

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN H
TỈNH KIÊN GIANG**

Bản án số: 47/2018/HNGĐ-ST

Ngày 26/9/2018

Về việc “*Tranh chấp ly hôn*”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN H, TỈNH KIÊN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Trần Thị Ngọc Ái**

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông **Ngô rô Be**

2. Bà **Phan Thị Trúc Phương**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Danh Vũ** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân H, tỉnh Kiên Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân H, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:* Không tham gia phiên tòa.

Ngày 26 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân H, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 19/2018/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2018 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/8/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2018/QĐST-HNGĐ ngày 07/9/2018 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị **Lê Thị Kim T** – sinh năm 1985 (*có mặt*)

HKTT: Số 180, ấp Đông P, xã Thạnh Đông A, huyện Tân H, tỉnh Kiên Giang

Tạm trú: Số nhà G4, Tổ 11, khu phố Đông T, thị trấn Tân H, huyện Tân H, tỉnh Kiên Giang.

* *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Đình B** – sinh năm 1978 (*vắng mặt*)

Địa chỉ: ấp Đông B, thị trấn Tân H, huyện Tân H, tỉnh Kiên Giang.

Tạm trú: Số nhà G4, Tổ 11, khu phố Đông T, thị trấn Tân H, huyện Tân H, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa chị Lê Thị Kim T trình bày:***

Chị và anh Nguyễn Đình B chung sống với nhau vào ngày 09/12/2010, không có đăng ký kết hôn, đến ngày 22/9/2015 mới đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Tân H, huyện Tân H, tỉnh Kiên Giang, có tổ chức đám cưới. Trước khi chung sống vợ chồng có tìm hiểu nhau trước khoảng 2 năm mới tiến tới hôn nhân, hôn nhân tự nguyện, không bị cưỡng ép.

Quá trình vợ chồng chung sống thời gian đầu hạnh phúc đến cuối năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn và mâu thuẫn trầm trọng là từ năm 2016. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh B sống không có trách nhiệm với gia đình, không lo cho vợ con, anh B còn có tính ham mê cờ bạc, không giữ gìn uy tín với vợ con, vợ chồng luôn bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, có lối sống không phù hợp, vợ chồng không thể hòa hợp và đã sống ly thân từ tháng 01 năm 2018 cho đến nay.

- Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Bảo K, sinh ngày 02 tháng 10 năm 2011, cháu đã có giấy khai sinh và hiện nay đang sống với chị T.

- Về tài sản chung: vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về phần nợ chung của vợ chồng: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết..

Tại phiên tòa chị T yêu cầu:

- Về quan hệ hôn nhân: yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Đình B.

- Về con chung: chị T xin được nuôi cháu K, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung của vợ chồng: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Tại bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 19/4/2018 anh Nguyễn Đình B trình bày:***

Anh B thống nhất với lời trình bày của chị T về ngày vợ chồng chung sống, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Tân H, vợ chồng có 01 con chung là đúng. Còn về nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng anh B cho rằng do sau khi anh B nghỉ việc thì thu nhập bị hạn chế, anh B có chơi bời, gây nợ nần, nhưng anh B đã khắc phục gần xong, lý do chị T xin ly hôn là do bạn bè đòi nợ anh B, chị T biết, những người làm chung với chị T biết nên chị T tự ái xin ly hôn, anh B vẫn chăm lo cho gia đình, vẫn còn yêu thương vợ con và muốn trở về đoàn tụ chung sống với gia đình.

Tại Tòa án anh B yêu cầu:

Về quan hệ hôn nhân: anh B xin được đoàn tụ, không đồng ý ly hôn.

Về con chung: nếu chị T cương quyết ly hôn thì ý kiến của con ở với ai người đó nuôi, nếu theo anh B thì anh B không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con, nếu con theo chị T thì anh B cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: nếu chị T cương quyết ly hôn thì anh B yêu cầu chia tài sản bằng một đơn khởi kiện trong vụ án này.

Về phần nợ: nợ cá nhân của anh B chơi bởi thì anh B tự chịu trách nhiệm, còn nợ của chị T thì bán tài sản chung của vợ chồng để trả.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: anh Nguyễn Đình B với tư cách là bị đơn, tại phiên tòa anh B vắng mặt, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự “Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai bị đơn vắng mặt thì Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt họ”. Xét thấy anh B đã được tổng đạt, thông báo hợp lệ theo quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng anh B vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử thống nhất xét xử vắng mặt anh B là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Xét mối quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh B là hôn nhân hợp pháp, bởi lẽ anh chị chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Tân H, huyện Tân H, tỉnh Kiên Giang, giấy chứng nhận kết hôn số 129/2015 quyền số 01/2015 ngày 22/9/2015 theo đúng quy định của pháp luật. Phù hợp với Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 sửa đổi, bổ sung năm 2010.

[3] Xét yêu cầu xin được ly hôn của chị T cho thấy vợ chồng anh chị chung sống với nhau thời gian đầu hạnh phúc, đến sau này thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không ai quan tâm đến ai, vợ chồng không có tiếng nói chung trong cuộc sống, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt không thể hàn gắn lại được.

Sau khi thụ lý vụ án, tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng chị T vẫn giữ nguyên quyết định xin được ly hôn. Anh B cho rằng còn thương vợ con, không đồng ý ly hôn, nhưng anh B không có biện pháp gì để hàn gắn hạnh phúc gia đình và thực tế hiện nay không có cuộc sống chung giữa chị T và anh B. Xét thấy cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin được ly hôn của chị T. Bác yêu cầu xin được đoàn tụ của anh B.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống chị T và anh B có 01 người con chung là Nguyễn Bảo K, sinh ngày 02 tháng 10 năm 2011, hiện nay cháu K đang sống với chị T. Tại biên bản hòa giải ngày 19/4/2018 anh B có yêu cầu nếu chị T cương quyết ly hôn thì ý kiến con ở với ai người đó nuôi, nếu theo anh B thì không yêu cầu chị T cấp dưỡng, nếu

con theo chị T thì anh B cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 “ *vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con, trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con*”, theo nguyện vọng của cháu K là xin được sống với mẹ. Xét yêu cầu của chị T xin được nuôi con là có cơ sở chấp nhận, phù hợp với đạo đức xã hội và phù hợp với nguyện vọng của cháu K. Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu của chị T, tiếp tục giao cháu Nguyễn Bảo K, sinh ngày 02 tháng 10 năm 2011 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng.

Chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét.

Khi cần thiết anh chị có quyền xin thay đổi quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Không ai có quyền cản trở việc tới lui thăm nom con chung.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: xét lời trình bày của anh B về việc nếu chị T cương quyết ly hôn thì anh B yêu cầu chia tài sản bằng một đơn khởi kiện trong vụ án này và phần nợ cá nhân của anh B chơi bời thì anh B tự chịu trách nhiệm, còn nợ của chị T thì bán tài sản chung của vợ chồng để trả.

Chị T cho rằng về tài sản của vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về phần nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Yêu cầu của anh B là ngoài yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn. Căn cứ khoản 1 Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự quy định:

“Đương sự có quyền quyết định việc khởi kiện, yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ việc dân sự. Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó.”

Ngày 27/6/2018 Tòa án nhân dân huyện Tân H đã có thông báo số 09/TB – TA và đã tổng đạt hợp lệ cho anh B biết, nếu anh B có yêu cầu Tòa án giải quyết về phần tài sản và nợ thì anh B phải có đơn khởi kiện yêu cầu và đóng tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, hết thời gian quy định anh B không thực hiện nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét. Nếu sau này anh B có yêu cầu khởi kiện thì sẽ giải quyết bằng một vụ kiện khác theo quy định của pháp luật.

[6] Về án phí HNST: Buộc chị T phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo lai thu số 0007809 ngày 01/02/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân H, tỉnh Kiên Giang.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ các Điều 28, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ các Điều 51, khoản 1 Điều 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Kim T. Bác yêu cầu xin được đoàn tụ của anh Nguyễn Đình B. Cho ly hôn giữa chị Lê Thị Kim T và anh Nguyễn Đình B.

2. Về con chung: chấp nhận yêu cầu xin được nuôi con của chị Lê Thị Kim T. Tiếp tục giao cháu Nguyễn Bảo K, sinh ngày 02 tháng 10 năm 2011 cho chị Lê Thị Kim T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Đình B không phải cấp dưỡng nuôi con.

Khi cần thiết anh chị có quyền xin thay đổi quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Không ai có quyền cản trở việc tới lui thăm nom con chung.

3. Về án phí HNST: Buộc chị Lê Thị Kim T phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo lai thu số 0007809 ngày 01/02/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân H, tỉnh Kiên Giang.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với anh Nguyễn Đình B vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tân H;
- Chi cục THADS huyện Tân H;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- UBND thị trấn Tân H;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Ngọc Ái